

Số: /TTr-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ; số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; số 106/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá; số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN ngày 28/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về Quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa;

Quyết định 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam; Quyết định số 540/QĐ-

TTg ngày 19/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến năm 2030;

Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 phê duyệt chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045; Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 Phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định 1585/QĐ-TTg ngày 07/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thông tư số 02/2024/TT-BKHCN ngày 28/3/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về Quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/ĐH ngày 19/9/2025 Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XV, nhiệm kỳ 2025-2030.

2. Cơ sở thực tiễn

Giai đoạn 2021 – 2025, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 thông qua Đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Các Nghị quyết này không chỉ thúc đẩy phát triển nông nghiệp và cây dược liệu theo hướng tập trung, quy mô lớn mà còn góp phần hướng tới sản xuất theo hướng xanh, sạch thông qua các hoạt động triển khai hỗ trợ như: Chuồng trại, xử lý chất thải trong chăn nuôi (hầm biogas, đệm lót sinh học...); hỗ trợ vôi cải tạo đất, phân bón theo quy trình; hỗ trợ nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới tiên tiến trong nhà màng; hỗ trợ áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất an toàn... Nhờ triển khai đồng bộ và hiệu quả các Nghị quyết trên, đến nay tỉnh đã hình thành nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung như: Trên 4.200 ha lúa hàng hóa; gần 11.000 ha chè; gần 13.000 ha quế; trên 7.400 ha mắc ca; trên 7.400 ha cây ăn quả; thả tích nuôi cá lồng trên lồng hồ đạt trên 177.000 m³; trên 18.000 đàn ong và trên 140 ha sâm Lai Châu... Tại các vùng sản xuất tập trung đã từng bước áp dụng khoa học kỹ thuật, quy trình an toàn, hữu cơ vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Toàn tỉnh hiện có trên 520 ha các cây trồng áp dụng sản xuất theo các tiêu chuẩn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, trong đó có 243 ha được chứng nhận VietGAP; 221 ha được chứng nhận RA, 42,5ha diện tích chứng nhận hữu cơ; 13,9 ha diện tích chứng nhận GACP; 42,9ha diện tích nhà màng, nhà lưới thực hiện sản xuất khép kín để giảm thiểu sâu bệnh qua đó không cần

sử dụng thuốc trừ sâu và giảm thiểu phân bón; trên 3.000 ha lúa hàng hóa áp dụng Kỹ thuật canh tác lúa cải tiến (SRI), quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); 33% số cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại có hệ thống xử lý chất thải bằng biogas, đệm lót sinh học... Những kết quả này đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu ngân sách địa phương, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, phát triển sản xuất theo hướng giảm phát thải, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển kinh tế xanh trong thời gian tới, nâng cao giá trị và thu nhập cho người dân. Đồng thời khẳng định quan điểm, định hướng đúng đắn của tỉnh trong phát triển nông nghiệp hàng hóa và được liệu phù hợp với tiềm năng, lợi thế và xu thế phát triển.

Tuy nhiên, đến hết năm 2025, chính sách hỗ trợ sản xuất theo Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 và Nghị quyết số 38/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 đã hết hiệu lực. Trong khi đó, phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh đến năm 2030 được Đảng bộ tỉnh xác định là một trong những “**Khâu đột phá**” tại Nghị quyết số 05-NQ/ĐH ngày 19/09/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Vì vậy rất cần ban hành chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh cho giai đoạn 2026-2030 để phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng bền vững, tích hợp đa giá trị, xanh, sạch, tuần hoàn, chất lượng cao và ít phát thải, gắn với bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, truy xuất nguồn gốc và xây dựng nhãn hiệu sản phẩm, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Do vậy, việc ban hành Nghị quyết Quy định chính sách về hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng bền vững, tích hợp đa giá trị, xanh, sạch, tuần hoàn, chất lượng cao và ít phát thải. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số trong các hoạt động tổ chức sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, truy xuất nguồn gốc và xây dựng nhãn hiệu sản phẩm. Qua đó, thúc đẩy tăng trưởng ngành nông nghiệp, góp phần bảo đảm tốc độ tăng trưởng chung của tỉnh giai đoạn 2026-2030.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

Chính sách hỗ trợ phải phù hợp với nhu cầu thực tiễn, đáp ứng các nhiệm vụ của Nghị quyết về sản xuất nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, phải được kế hoạch hóa theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hàng năm của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh Lai Châu đã giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị quyết

Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở, ngành đoàn thể tỉnh; UBND các xã, phường theo văn bản số /SNNMT-KHTC ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và đề nghị Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số /SNNMT-KHTC ngày /2026. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải lên mục “VĂN BẢN DỰ THẢO” trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Lai Châu từ ngày / /2026 đến hết / /2026, tại công văn số /SNNMT-KHTC ngày / /2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bao gồm các hoạt động sản xuất, cấp mã số vùng trồng, cấp giấy chứng nhận phù hợp các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn thực phẩm.

b) Đối tượng áp dụng

Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ (từ 5 hộ tham gia trở lên), hộ gia đình, cá nhân;

Các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở Mẫu số 17, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP “*Mẫu Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ văn bản/các văn bản (văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)*”.

Dự thảo Nghị quyết gồm 07 điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.
- Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ.
- Điều 3. Nội dung hỗ trợ
- Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện.
- Điều 5. Hồ sơ, trình tự thủ tục nghiệm thu và giải ngân kinh phí hỗ trợ.
- Điều 6. Trách nhiệm thực hiện.
- Điều 7. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh tập trung, được cụ thể hóa bằng kế hoạch hằng năm và kế hoạch 5 năm của tỉnh, xã/phường.

2. Hỗ trợ phải phù hợp với định mức kinh tế kỹ thuật do cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phải thực hiện đầy đủ các cam kết và trách nhiệm đã đăng ký, trường hợp vi phạm các cam kết và các nội dung có liên quan phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả số kinh phí đã được hỗ trợ.

4. Trong cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách khác nhau thì đối tượng hỗ trợ được lựa chọn hưởng một chính sách hỗ trợ phù hợp.

5. Hỗ trợ bằng tiền, sau đầu tư.

Điều 3. Nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, VietGAP và tương đương đối với cây chè, mắc ca, lúa, dược liệu, cây ăn quả, dong riềng, rau củ quả

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% giá giống (đối với trồng mới); 70% giá phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong 03 năm đối với cây trồng lâu năm, 03 vụ liên tiếp đối với cây trồng hàng năm để sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, VietGap và tương đương.

b) Điều kiện hỗ trợ: Nằm trong vùng định hướng phát triển của tỉnh, xã; gieo trồng tập trung đảm bảo quy mô tối thiểu 03 ha đối với cây rau củ, quả các loại, dược liệu, 05 ha đối với chè, cây ăn quả; 10 ha đối với mắc ca, lúa, dong riềng. Có hợp đồng liên kết và tiêu thụ sản phẩm, thời gian liên kết đảm bảo tối thiểu đủ 3 năm đối với cây trồng hàng năm, 5 năm đối với cây trồng lâu năm.

** Cơ sở, lý do đề xuất:*

- Tại tiểu mục 3.7, mục 3, Phần II Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 27/3/2026 của Tỉnh ủy Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026-2030: "...Xây dựng và ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu giai đoạn 2026-2030, tập trung hỗ trợ áp dụng các quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn như VietGAP, RA, hữu cơ...hỗ trợ cấp mã số vùng trồng và các chứng nhận có liên quan", mục tiêu đến năm 2030 có: 2.500 ha chè, 1.500 ha lúa, 500 ha rau, hoa củ quả, 60 ha dược liệu, 2.500 ha cây ăn quả áp dụng quy trình sản xuất an toàn, hữu cơ. Đó đó việc đề xuất hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, VietGAP và tương đương đối với cây chè, mắc ca, lúa, dược liệu, cây ăn quả, dong riềng, rau củ quả là phù hợp với chủ trương, định hướng của tỉnh.

- Thời gian hỗ trợ: 03 năm đối với cây trồng lâu năm, 03 vụ liên tiếp đối với cây trồng hàng năm để đảm bảo tương đồng với Nghị quyết 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 (tối đa không quá 3 chu kỳ hoặc 3 vụ sản xuất..., đồng thời đảm

bảo đủ thời gian để đáp ứng các điều kiện chứng nhận theo các tiêu chuẩn, đặc biệt là chuyển đổi sang sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ (ít nhất phải 3 năm)

- Điều kiện hỗ trợ: Nằm trong vùng định hướng phát triển của tỉnh, xã; gieo trồng tập trung đảm bảo quy mô tối thiểu 03 ha đối với cây rau củ, quả các loại, dược liệu, 05 ha đối với chè, cây ăn quả; 10 ha đối với lúa, dong riềng. Có hợp đồng liên kết và tiêu thụ sản phẩm, thời gian liên kết đảm bảo tối thiểu đủ 3 năm đối với cây trồng hàng năm, 5 năm đối với cây trồng lâu năm.

Nằm trong vùng Đề án của tỉnh, xã, gieo trồng tập trung, nhằm tập trung nguồn lực để hỗ trợ, không hỗ trợ dàn trải, hình thành các vùng sản xuất tập trung, thuận lợi trong việc thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp, HTX và người dân đầu tư phát triển, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo sản xuất ổn định, bền vững.

Đối với yêu cầu về quy mô: Đề xuất quy mô tối thiểu 03 ha đối với cây rau củ, quả các loại, dược liệu; 05 ha đối với chè; 10 ha đối với lúa, dong riềng: áp theo quy định về quy mô cho một mô hình đối với các loại cây trồng tại Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông trung ương, phù hợp với điều kiện canh tác của tỉnh. Các nội dung hỗ trợ phải có hợp đồng liên kết nhằm duy trì sản xuất bền vững, nâng cao hiệu quả hỗ trợ.

* *Căn cứ xác định mức chi:* Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% giá giống (đối với trồng mới); 70% giá phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong 03 năm đối với cây trồng lâu năm, 03 vụ liên tiếp đối với cây trồng hàng năm để sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, VietGap và tương đương. Đề xuất mức hỗ trợ giá phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cao hơn so với quy định tại theo c, khoản 6, Điều 1 Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm (hỗ trợ 100% giống, 50% phân bón) nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân chuyển đổi phương thức canh tác từ sản xuất thông thường sang sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn như VietGAP, RA, hữu cơ..., hình thành các vùng sản xuất tập trung hàng hóa, thuận lợi trong việc kiểm soát quy trình sản xuất, quản lý dịch hại, truy suất nguồn gốc, đảm bảo mục tiêu Nghị quyết 12-NQ/TU ngày 27/3/2026.

* *Dự kiến kinh phí thực hiện:* 974.600 triệu đồng, trong đó: 411.000 triệu đồng hỗ trợ sản xuất chè; 81.800 triệu đồng hỗ trợ sản xuất lúa, 102.000 triệu đồng hỗ trợ sản xuất rau, củ quả; 375.000 triệu đồng hỗ trợ sản xuất cây ăn quả; 4.800 triệu đồng hỗ trợ cây dược liệu.

2. Hỗ trợ chi phí cấp giấy chứng nhận

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ một lần 100% chi phí điều tra khảo sát, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí, mẫu sản phẩm, chi phí đánh giá chứng nhận. Hỗ trợ một lần tối đa 100 triệu đồng/sản phẩm.

b) Điều kiện hỗ trợ: Sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam về nông nghiệp hữu cơ, VietGAP và tương đương.

Cơ sở, lý do đề xuất:

- Nội dung hỗ trợ:

+ Đối với sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP: Tại Điều 5, Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ trong việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, quy định: “Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông lâm thủy sản áp dụng VietGAP do cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

+ Đối với sản xuất hữu cơ: Căn cứ Khoản 1, Điều 17, Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về nông nghiệp hữu cơ, theo đó về nội dung, định mức hỗ trợ: “a) Hỗ trợ 100% kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt; b) Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp TCVN về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại)...”.

* *Căn cứ xác định mức chi:* Mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/sản phẩm: Đề xuất kế thừa theo điểm 5.13, khoản 5, Điều 1 Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định về chính sách nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025.

* *Dự kiến kinh phí hỗ trợ:* 5.000 triệu đồng.

3. Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí tập huấn, hướng dẫn quy trình sản xuất, quy trình quản lý sinh vật gây hại; chi phí kiểm tra, phân tích về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm theo yêu cầu của nước nhập khẩu cho các tổ chức, cá nhân, tối đa không quá 20 triệu đồng/mã số vùng trồng.

b) Điều kiện hỗ trợ: Có mã số vùng trồng được cấp có thẩm quyền công nhận. Diện tích tối thiểu của một vùng trồng là 10 ha đối với cây trồng lâu năm, 01 ha đối với cây hàng năm.

* *Cơ sở, lý do đề xuất:* Tại tiểu mục 3.7, mục 3, Phần II Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 27/3/2026 của Tỉnh ủy Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026-2030: “...Xây dựng và ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu giai đoạn 2026-2030, tập trung hỗ trợ áp dụng các quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn như VietGAP, RA, hữu cơ... hỗ trợ cấp mã số vùng trồng và các chứng nhận có liên quan”. Do đó việc đề xuất hỗ trợ cấp mã số vùng trồng là phù hợp với chủ trương, định hướng của tỉnh.

- Quy mô vùng trồng tối thiểu 10 ha đối với cây lâu năm đề xuất áp dụng theo quy định tại Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; đề xuất 01 ha đối với cây hàng năm để phù hợp với tình hình thực tế. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/mã số vùng trồng để đảm bảo thống nhất chính sách quy định tại Nghị quyết số 63/2023/NQ-HĐND

ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 .

** Cơ sở để xuất mức hỗ trợ 20 triệu đồng/ha (giảm 30 triệu đồng/ha so với Nghị quyết số 63/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung, mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh):*

Mức hỗ trợ giảm do hiện nay mã vùng trồng là thủ tục hành chính bắt buộc, do đó không đề xuất hỗ trợ thuê tư vấn, giám sát. Tập trung hỗ trợ một phần chi phí tập huấn, hướng dẫn cho người trực tiếp sản xuất trong vùng trồng về quy trình sản xuất, quy trình quản lý sinh vật gây hại yêu cầu về nhật ký canh tác... theo khoản 3, Điều 6 Nghị định số 38/2026/NĐ-CP, ngày 24/01/2026; chi phí phân tích, kiểm tra các chỉ tiêu về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng... đối với các mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 6 Nghị định số 38/2026/NĐ-CP, ngày 24/01/2026

** Kinh phí thực hiện:* Dự kiến cấp 275 mã số vùng trồng, kinh phí 5.500 triệu đồng.

4. Hỗ trợ chuồng trại chăn nuôi lợn (chuồng trại khép kín)

a) Hỗ trợ một lần chi phí xây dựng chuồng trại, mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/m² cho các tổ chức, cá nhân; mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/cơ sở.

b) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở chăn nuôi đạt quy mô trang trại theo quy định; thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học, có biện pháp kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh thú y, xử lý chất thải chăn nuôi; áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

** Lý do đề xuất chính sách:* Trong thời gian qua, các chính sách hỗ trợ phát triển lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đã phát huy hiệu quả, góp phần khai thác tiềm năng, lợi thế, thúc đẩy chuyển biến tích cực về tư duy sản xuất, tổ chức chăn nuôi theo hướng ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Trên cơ sở đề xuất của các địa phương và nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung theo hướng xanh, sạch, hữu cơ, việc tiếp tục ban hành và triển khai các chính sách hỗ trợ chăn nuôi trong giai đoạn 2026–2030 là hết sức cần thiết. Nội dung đề xuất chính sách hỗ trợ chuồng trại chăn nuôi lợn theo mô hình khép kín nhằm khuyến khích các cơ sở chăn nuôi chuyển đổi từ hình thức nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi thâm canh, tập trung theo quy mô trang trại; áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh; đồng thời gắn chăn nuôi với phát triển nguồn nguyên liệu thức ăn, ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải, bảo vệ môi trường và nâng cao hiệu quả, tính bền vững của ngành chăn nuôi theo định hướng phát triển của tỉnh.

** Căn cứ xác định mức chi:* Mức hỗ trợ 1.000.000đ/m², căn cứ vào chi phí thực tế xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc khép kín thực tế hiện nay tương

đương 1.700.000 đ/m² chuồng. Mức đề xuất hỗ trợ là 1.000.000đ/m², bằng 60% chi phí xây dựng thực tế, số còn lại cơ sở chăn nuôi đối ứng là 40%. Đề xuất tỷ lệ hỗ trợ chi phí xây dựng chuồng trại như trên, nhằm khuyến khích mạnh mẽ các cơ sở đầu tư xây dựng chuồng trại khép kín theo hướng hiện đại, an toàn sinh học, trong khi vẫn bảo đảm trách nhiệm và sự chủ động của người chăn nuôi thông qua phần vốn đối ứng 40%. Tỷ lệ này tương đương với tỷ lệ mức đề xuất hỗ trợ chuồng trại giai đoạn 2021-2025 (tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐN), phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, tạo động lực thu hút đầu tư, đẩy nhanh hình thành các trang trại quy mô tập trung, bền vững.

* *Dự kiến kinh phí thực hiện:* Trong cả giai đoạn hỗ trợ khoảng 15 cơ sở chăn nuôi, với 13.500m² chuồng trại. Kinh phí hỗ trợ khoảng 13.500 triệu đồng.

5. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi lợn trang trại quy mô lớn

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị phục vụ chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi có quy mô lớn từ 1.000 Đơn vị vật nuôi (ĐVN) trở lên; mức hỗ trợ tối đa không quá 15 tỷ đồng/cơ sở.

b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Có dự án đầu tư chăn nuôi được cấp có thẩm quyền chấp thuận.
- Đáp ứng yêu cầu về điều kiện của cơ sở chăn nuôi trang trại, quy định tại Điều 55 và Điều 57 Luật Chăn nuôi hoặc và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).
- Cơ sở chăn nuôi thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học, có biện pháp kiểm soát dịch bệnh, vệ sinh thú y, xử lý chất thải chăn nuôi; áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

Lý do đề xuất: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đã quy định chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi; tuy nhiên, đối tượng hỗ trợ mới tập trung vào cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt, chưa có chính sách hỗ trợ đối với chăn nuôi lợn. Thực tế hiện nay, chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán vẫn chiếm tỷ trọng lớn, tiềm ẩn nguy cơ dịch bệnh, ô nhiễm môi trường và khó kiểm soát chất lượng sản phẩm. Trong khi đó, đầu tư xây dựng trang trại quy mô lớn đòi hỏi chi phí cao, đặc biệt là hạ tầng kỹ thuật và hệ thống xử lý môi trường, khiến nhiều tổ chức, cá nhân còn e ngại tham gia. Chính sách hỗ trợ một phần chi phí đầu tư sẽ góp phần giảm gánh nặng tài chính ban đầu, tạo động lực thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển chăn nuôi lợn trang trại quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao. Qua đó, thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm chăn nuôi. Đồng thời, việc gắn điều kiện hỗ trợ với các tiêu chuẩn theo Luật Chăn nuôi sẽ đảm bảo các cơ sở đáp ứng yêu cầu về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. Đây là giải pháp quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng ngành chăn nuôi ổn định, hiệu quả và bền vững trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Căn cứ xác định mức hỗ trợ: Mức đề xuất hỗ trợ nêu trên tương ứng khoảng 30% tổng chi phí đầu tư xây dựng thực tế, nhằm hỗ trợ các hạng mục: hạ tầng xử lý chất thải, giao thông nội bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, nhà xưởng và trang thiết bị phục vụ chăn nuôi. Mức hỗ trợ này cơ bản tương đương với mức hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi bò sữa, bò thịt quy định tại Điều 12 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ, bảo đảm tính phù hợp, thống nhất với các chính sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

Dự kiến kinh phí thực hiện: Cả giai đoạn dự kiến hỗ trợ 04 cơ sở, kinh phí hỗ trợ khoảng 31.000 triệu đồng (trong đó: 02 cơ sở chăn nuôi có quy mô từ 1.000 Đơn vị vật nuôi đến dưới 2.000 ĐVN; 02 cơ sở chăn nuôi có quy mô từ 2.000 ĐVN trở lên).

6. Hỗ trợ xây dựng các cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận Cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (hỗ trợ chứng nhận lần đầu), mức hỗ trợ 100% chi phí thực hiện thực tế và không vượt quá 80 triệu đồng/01 loại bệnh được chứng nhận an toàn dịch bệnh; mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

b) Điều kiện hỗ trợ: Cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại đáp ứng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y và có Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật đã được cơ quan có thẩm quyền cấp sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

** Lý do đề xuất chính sách:* Trong những năm gần đây, tình hình dịch bệnh trên động vật nuôi diễn biến phức tạp, gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi và toàn ngành chăn nuôi. Việc xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh để hướng tới xây dựng vùng an toàn dịch bệnh được xem là giải pháp chiến lược nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành chăn nuôi. Giúp nâng cao khả năng kiểm soát dịch bệnh, thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ khoa học, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Trên địa bàn tỉnh hiện nay mới chỉ có 02 cơ sở chăn nuôi lợn được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh Lở mồm long móng (LMLM) và Dịch tả lợn cổ điển, Dịch tả lợn Châu Phi. Một trong những nguyên nhân khiến các cơ sở chăn nuôi chưa thực hiện xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh là chi phí cao, bao gồm chi phí xây dựng, cấp Giấy chứng nhận và duy trì cơ sở an toàn dịch bệnh hàng năm, đây là trở ngại lớn đối với các trang trại chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ trong khi hiện nay tỉnh chưa có chính sách nên chưa khuyến khích được tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

** Căn cứ xác định mức chi:* Căn cứ vào chi phí thực tế, biểu giá dịch vụ chẩn đoán Thú y được quy định tại các văn bản: Thông tư 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Nghị định 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định điều khoản chuyển tiếp “Các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tiếp tục áp dụng theo mức giá hàng hóa, dịch vụ hiện hành cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá ban hành văn bản định giá mới”, Khoản 1 Điều 29; Quyết định số 12/QĐ-CDXN1-

TH ngày 03/7/2025 của Trung tâm Chẩn đoán và Xét nghiệm thú y Trung ương I, về việc ban hành danh mục biểu giá dịch vụ chẩn đoán, xét nghiệm thú y; kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, kháng thuốc; kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi tại Trung tâm Chẩn đoán và Xét nghiệm thú y Trung ương I; Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu quy định mức công tác phí, mức chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu, để xây dựng kinh phí chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với từng loại bệnh (bao gồm: Công lấy mẫu và phí xét nghiệm mẫu đối với từng loại bệnh; dụng cụ, vật tư phục vụ công tác lấy mẫu; Công tác phí đi lấy mẫu; Công tác phí mang mẫu đi xét nghiệm; Phí thẩm định cơ sở chăn nuôi là cơ sở an toàn dịch bệnh) khoảng 80 triệu đồng/01 loại bệnh.

** Dự kiến kinh phí thực hiện:* Dự kiến cả giai đoạn hỗ trợ chứng nhận an toàn dịch bệnh cho 7 cơ sở chăn nuôi, mỗi cơ sở chứng nhận 3 bệnh: Lở mồm long móng, Dịch tả lợn cổ điển và Dịch tả lợn Châu Phi. Tổng kinh phí hỗ trợ khoảng 1.680 triệu đồng ($7 \times 3 \times 80.000.000$ đ, tính mức hỗ trợ cao nhất/1 loại bệnh).

7. Hỗ trợ phát triển cây sâm Lai Châu

a) Hỗ trợ xây dựng vườn sưu tập giống và xây dựng vườn giống gốc

- Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác đầu tư xây dựng vườn sưu tập giống, vườn giống gốc Sâm Lai Châu.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 35% chi phí đầu tư, tối đa 500 triệu đồng/vườn. Tối đa 2 vườn.

- Điều kiện hỗ trợ:

Địa điểm xây dựng vườn sưu tập giống, vườn giống gốc phải có điều kiện sinh thái phù hợp với Sâm Lai Châu; có diện tích tối thiểu 200 m²; số cây sưu tập, cây giống gốc tối thiểu 200 cây.

Giống cây trồng đảm bảo có nguồn gốc hợp pháp hoặc đã được công nhận; Thời gian lưu giữ giống tối thiểu 5 năm kể từ khi vườn được công nhận.

** Lý do đề xuất chính sách:* Sâm Lai Châu là loài đặc hữu, đang ở mức nguy cấp; nguồn gen tự nhiên phân tán, diện tích nhỏ, có nguy cơ suy giảm; thiếu vườn giống gốc và cơ sở bảo tồn tập trung là điểm nghẽn lớn nhất, khiến tỉnh khó chủ động giống phục vụ mở rộng vùng trồng lên 3.000 ha theo Nghị quyết 17-NQ/TU; các hộ dân tự nhân giống dẫn đến chất lượng không đồng đều, nguy cơ thoái hóa giống, không đảm bảo yêu cầu GACP-WHO.

** Căn cứ xác định mức chi:* Dự toán chi phí đầu tư xây dựng vườn giống Sâm Lai Châu diện tích tối thiểu 200 m², số lượng cây sưu tập khoảng 200 cây, tổng kinh phí khoảng 1.400 triệu đồng/vườn (*chi phí sưu tập cây giống gốc khoảng 1.000 triệu đồng, chi phí vật tư vật tư, nhân công 400 triệu đồng*). Do vậy, mức hỗ trợ 500 triệu đồng/vườn (*chiếm 35% tổng chi phí*) là phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, góp phần khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia bảo tồn, phát triển Sâm Lai Châu.

** Dự kiến kinh phí thực hiện: Cả giai đoạn dự kiến hỗ trợ 02 vườn, kinh phí hỗ trợ khoảng 1.000 triệu đồng.*

b) Hỗ trợ cơ sở sản xuất giống

- Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống Sâm Lai Châu.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 35% chi phí đầu tư, tối đa 1.000 triệu đồng/cơ sở. Tối đa 3 cơ sở.

- Điều kiện hỗ trợ:

Có dự án đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống Sâm Lai Châu được cấp có thẩm quyền chấp thuận, quyết định hoặc phê duyệt;

Sử dụng cây giống có nguồn gốc hợp pháp. Tuân thủ quy trình kỹ thuật của cấp có thẩm quyền về gieo, ươm, chăm sóc cây giống. Cung ứng giống ra thị trường tối thiểu 100.000 cây/năm.

** Lý do đề xuất chính sách:*

Để đảm bảo mục tiêu có nguồn cây giống đáp ứng cho việc thực hiện mở rộng diện tích vùng trồng với quy mô 3.000 ha đến năm 2030, việc hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất giống là rất cần thiết và quyết định lớn đến tính khả thi trong việc tổ chức triển khai thực hiện trong thực tiễn.

Dự toán chi phí để sản xuất ra 100.000 cây giống với quy mô vườn ươm khoảng 2.000m² cần khoảng 3.000 triệu đồng (*trong đó chi phí vật liệu, trang thiết bị xây dựng vườn sản xuất giống khoảng 400 triệu đồng*). Đề xuất mức hỗ trợ nêu trên nhằm hỗ trợ một phần chi phí để các chủ cơ sở sản xuất giống mua sắm vật liệu, trang thiết bị xây dựng vườn sản xuất giống và bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

** Dự kiến kinh phí thực hiện: Cả giai đoạn dự kiến hỗ trợ 03 cơ sở, kinh phí hỗ trợ khoảng 3.000 triệu đồng.*

c) Hỗ trợ chi phí thuê môi trường rừng

- Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân thuê môi trường rừng để nuôi, trồng phát triển Sâm Lai Châu.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí, tối đa 10 năm. Tối đa 30.000 triệu đồng.

- Điều kiện hỗ trợ: Có hợp đồng thuê môi trường rừng đã ký kết theo quy định của pháp luật. Vị trí thuê môi trường rừng thuộc vùng xác lập phát triển Sâm Lai Châu.

** Lý do đề xuất chính sách và căn cứ xác định mức chi:* Nghị định số 156/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 183/2025/NĐ-CP quy định tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng phải trả tiền thuê môi trường rừng cho chủ rừng với giá bằng 5% tổng doanh thu thực hiện trong năm thuộc toàn bộ phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng; trong khi phát triển Sâm Lai Châu đòi hỏi chi phí đầu tư lớn, chu kỳ kinh doanh dài, rủi ro cao, trong những năm

đầu chưa có lợi nhuận. Việc hỗ trợ chi phí thuê môi trường rừng đối với các tổ chức, cá nhân phát triển Sâm Lai Châu là cần thiết nhằm giảm gánh nặng tài chính trong giai đoạn đầu và khuyến khích mở rộng quy mô nuôi, trồng theo quy hoạch. Đây là giải pháp quan trọng nhằm phát triển vùng dược liệu chủ lực, tạo sinh kế ổn định và nâng cao giá trị kinh tế của Sâm Lai Châu.

Với chu kỳ kinh doanh 7 năm, đầu tư ban đầu khoảng 3.000 triệu đồng/ha, tổng doanh thu (từ củ, lá) khoảng 8.400 triệu đồng, doanh thu trung bình khoảng 1.200 triệu đồng/ha/năm, chi phí thuê môi trường rừng khoảng 60 triệu đồng/ha/năm (không thấp hơn 5% tổng doanh thu), hỗ trợ 10 năm tương đương 600 triệu đồng/ha, trong giai đoạn khoảng 300 triệu đồng.

** Dự kiến kinh phí thực hiện:* Cả giai đoạn dự kiến hỗ trợ 100 ha, kinh phí hỗ trợ khoảng 30.000 triệu đồng.

d) Hỗ trợ trồng mới

- Đối tượng hỗ trợ: Đơn vị chủ trì dự án, kế hoạch liên kết có trồng mới Sâm Lai Châu có sự tham gia của người dân.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 500 triệu đồng/ha. Tối đa 100 ha.

- Điều kiện hỗ trợ:

Có dự án, kế hoạch liên kết trồng mới Sâm Lai Châu được phê duyệt, công nhận theo quy định.

Trồng Sâm Lai Châu tại vùng được xác lập phát triển của tỉnh; Sử dụng cây giống có nguồn gốc hợp pháp, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, tỷ lệ cây sống tối thiểu khi nghiệm thu thanh toán phải đạt 85%.

** Lý do đề xuất chính sách:* Chi phí cây giống hiện hành khoảng 100.000 đồng/cây; Dự toán chi phí trồng mới 01 ha Sâm Lai Châu trồng mật độ quy đổi 20.000 cây/ha, kinh phí thực hiện 3.100 triệu đồng (*chi phí cây giống 2.000 triệu đồng; vật tư, nhân công 1.100 triệu đồng*); trồng dưới mái che mật độ 60.000 cây/ha, kinh phí thực hiện 8.850 triệu đồng (*chi phí cây giống 6.000 triệu đồng; vật tư, nhân công 2.850 triệu đồng*); trồng trong nhà màng mật độ 100.000 cây/ha, kinh phí thực hiện 13.800 triệu đồng (*chi phí cây giống 10.000 triệu đồng; vật tư, nhân công 3.800 triệu đồng*). Hỗ trợ các đối tượng tham gia liên kết 500 triệu đồng/ha (*chiếm tỷ lệ 25% chi phí giống đối với vườn trồng mật độ 20.000 cây; chiếm tỷ lệ 8,3% chi phí giống đối với vườn trồng mật độ 60.000 cây; chiếm tỷ lệ 5% chi phí giống đối với vườn trồng mật độ 100.000 cây*) để mua cây giống nhằm giảm bớt một phần chi phí, khuyến khích và thu hút các tổ chức, cá nhân liên kết, đầu tư phát triển mở rộng vùng trồng và phù hợp với khả năng ngân sách tỉnh.

** Dự kiến kinh phí thực hiện:* Cả giai đoạn dự kiến hỗ trợ 100 ha trồng mới, kinh phí hỗ trợ khoảng 50.000 triệu đồng.

e) Hỗ trợ xây dựng hạ tầng giao thông nội vùng dự án

- Đối tượng hỗ trợ: Doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư thực hiện dự án trồng, phát triển Sâm Lai Châu.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 30% chi phí đầu tư, tối đa 1.500 triệu đồng/dự án. Tối đa 7.500 triệu đồng.

- Điều kiện hỗ trợ:

Có dự án trồng, phát triển Sâm Lai Châu hoặc dự án, kế hoạch liên kết được chấp thuận hoặc quyết định hoặc phê duyệt theo quy định;

Đường đạt kỹ thuật cấp D trở lên theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10380:2014 hoặc tương đương.

** Lý do đề xuất chính sách và căn cứ xác định mức chi:* Việc hỗ trợ xây dựng hạ tầng giao thông nội vùng cho các dự án trồng và phát triển Sâm Lai Châu là hết sức cần thiết nhằm tạo điều kiện tiếp cận thuận lợi tới các vùng trồng, vốn nằm ở khu vực núi cao, địa hình chia cắt và thường xuyên chịu tác động của thời tiết khắc nghiệt. Hệ thống đường nội vùng đồng bộ giúp giảm chi phí vận chuyển vật tư, giống, thiết bị; bảo đảm an toàn cho người lao động; đồng thời tạo điều kiện cho việc giám sát, chăm sóc, thu hoạch và kiểm soát dịch hại được kịp thời và hiệu quả. Bên cạnh đó, hạ tầng giao thông hoàn chỉnh còn góp phần nâng cao năng lực quản lý vùng trồng, phục vụ truy xuất nguồn gốc, đáp ứng yêu cầu của thị trường đối với sản phẩm dược liệu chất lượng cao. Vì vậy, việc hỗ trợ đầu tư hạ tầng giao thông nội vùng là cơ sở quan trọng để bảo đảm hiệu quả và tính bền vững của các dự án phát triển Sâm Lai Châu.

Về mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ để đảm bảo tính toàn diện của Nghị quyết.

** Dự kiến kinh phí thực hiện:* Cả giai đoạn dự kiến hỗ trợ 05 dự án, kinh phí hỗ trợ khoảng 7.500 triệu đồng.

f) Hỗ trợ phát triển các kênh giới thiệu, phân phối sản phẩm từ Sâm Lai Châu

- Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân phát triển kênh giới thiệu sản phẩm từ Sâm Lai Châu phục vụ việc quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

- Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ 25 triệu đồng/đơn vị để chi phí thiết lập, duy trì trang thông tin điện tử (website) giới thiệu, quảng bá, kinh doanh sản phẩm;

Hỗ trợ 50 triệu đồng/đơn vị để chi phí tổ chức hoạt động truyền thông, quảng cáo trực tuyến qua các nền tảng mạng xã hội (YouTube, Facebook, Tiktok, Instagram, X (Twitter)).

- Điều kiện hỗ trợ:

Có website, kênh trên các nền tảng mạng xã hội thuộc quyền sở hữu, quản trị đang hoạt động theo quy định của pháp luật, có nội dung chính là giới thiệu, quảng bá, kinh doanh các sản phẩm Sâm Lai Châu hợp pháp;

Có lượt truy cập trung bình tối thiểu 1.000 lượt/tháng trong 12 tháng đối với website; có tối thiểu 1.000 subscribers đối với nền tảng YouTube, 10.000 followers đối với các nền tảng Facebook, Tiktok, Instagram, 5.000 followers đối với nền tảng X (Twitter).

* *Lý do đề xuất chính sách:* Dự toán chi phí thiết lập hạ tầng số phục vụ quảng bá sản phẩm Sâm Lai Châu (gồm các nội dung: mua tên miền, mua máy chủ, thiết kế website, vận hành) khoảng 50 triệu đồng; hỗ trợ các đơn vị 25 triệu đồng (50%) để thực hiện nội dung trên là phù hợp với thực tiễn và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh.

Dự toán chi phí tổ chức các hoạt động truyền thông quảng bá sản phẩm Sâm Lai Châu (gồm các nội dung: Thiết kế gian hàng số (banner, avatar, bộ nhận diện, sản phẩm nổi, xây dựng các video clip giới thiệu sản phẩm; chụp ảnh sản phẩm, chi phí chạy quảng cáo) khoảng 100 triệu đồng; hỗ trợ các đơn vị 50 triệu đồng (50%) để thực hiện nội dung trên là phù hợp với thực tiễn và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh.

* *Dự kiến kinh phí thực hiện:* Cả giai đoạn dự kiến hỗ trợ 10 tổ chức, cá nhân, kinh phí hỗ trợ khoảng 750 triệu đồng.

g) Hỗ trợ tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với cây Sâm Lai Châu

- Đối tượng hỗ trợ: Các cộng đồng thôn, bản vùng trồng Sâm có tổ chức các hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với cây Sâm Lai Châu.

- Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 50 triệu đồng/cộng đồng/năm để tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch du lịch đã được phê duyệt.

- Điều kiện hỗ trợ: Có phương án, kế hoạch du lịch xây dựng theo hướng dẫn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, được Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại phê duyệt.

* *Lý do đề xuất chính sách và căn cứ xác định mức chi:* Việc hỗ trợ tổ chức hoạt động du lịch cộng đồng du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm gắn với cây Sâm Lai Châu là cần thiết nhằm khai thác hiệu quả giá trị đặc hữu của vùng sâm, góp phần bảo tồn tri thức bản địa và thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững cho người dân. Hoạt động du lịch sinh thái – văn hóa giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ tài nguyên sâm, đồng thời tạo thêm nguồn thu nhập ổn định, giảm phụ thuộc vào khai thác tự nhiên. Tuy nhiên, nhiều thôn bản và các cơ sở du lịch tại địa phương còn thiếu nguồn lực để xây dựng sản phẩm du lịch, truyền thông và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho du khách. Hỗ trợ kinh phí sẽ giúp các cộng đồng nâng cao năng lực tổ chức, hoàn thiện hạ tầng phục vụ du lịch, đa dạng hóa sản phẩm giới thiệu về văn hóa, tập quán canh tác, sử dụng Sâm Lai Châu, từ đó góp phần quảng bá thương hiệu sâm và thúc đẩy phát triển du lịch đặc thù của tỉnh.

Đề xuất mức hỗ trợ 50 triệu đồng/cộng đồng/năm để tổ chức thực hiện phương án, kế hoạch du lịch đã được phê duyệt giúp các cộng đồng du lịch có

kinh phí duy trì, cải thiện các dịch vụ du lịch gắn liền với cây Sâm Lai Châu, phù hợp thực tế và khả năng cân đối bố trí ngân sách của tỉnh.

* *Dự kiến kinh phí thực hiện:* Cả giai đoạn dự kiến hỗ trợ 20 cộng đồng, kinh phí hỗ trợ khoảng 1.000 triệu đồng.

8. Hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Hỗ trợ nhà màng, nhà lưới

- Nội dung hỗ trợ: Khung, màng phủ, lưới chắn và các vật tư khác.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100 nghìn đồng/m², không quá 01 tỷ đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã; không quá 700 triệu đồng/tổ hợp tác, nhóm hộ; không quá 500 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân.

b) Hỗ trợ hệ thống tưới tiên tiến trong nhà màng, nhà lưới

Hỗ trợ một lần 50% kinh phí đầu tư máy móc, vật tư, thiết bị xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tối đa 50 triệu đồng/nhà màng, nhà lưới.

c) Điều kiện hỗ trợ

- Nhà màng, nhà lưới: Làm mới, được xây dựng tập trung, bảo đảm quy mô tối thiểu 1.500 m² đối với doanh nghiệp, hợp tác xã; 700m² đối với tổ hợp tác, nhóm hộ; 300m² đối với hộ gia đình, cá nhân;

- Hệ thống tưới tiên tiến: Phải được lắp đặt đồng bộ, phù hợp với quy mô nhà màng, nhà lưới.

* *Lý do đề xuất chính sách:* Lai Châu là tỉnh miền núi, địa hình chia cắt mạnh, điều kiện sản xuất nông nghiệp phụ thuộc lớn vào thời tiết, thường xuyên chịu ảnh hưởng của rét đậm, rét hại, sương muối và mưa lớn theo mùa, dẫn đến năng suất, chất lượng và tính ổn định của sản phẩm thấp, rủi ro cao. Trong khi đó, yêu cầu phát triển nông nghiệp hiện nay chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn và truy xuất nguồn gốc. Thực tiễn cho thấy, việc đầu tư nhà màng, nhà lưới kết hợp hệ thống tưới tiên tiến giúp kiểm soát điều kiện sản xuất, giảm thiểu tác động bất lợi của khí hậu, tiết kiệm nước, vật tư đầu vào, nâng cao năng suất từ 1,5–2 lần so với canh tác truyền thống và cải thiện rõ rệt chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, chi phí đầu tư ban đầu lớn, vượt khả năng của đa số hộ dân, hợp tác xã trên địa bàn. Do đó, việc ban hành chính sách hỗ trợ là cần thiết nhằm: Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, tập trung; tạo sản phẩm chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường; góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển bền vững.

* *Căn cứ xác định mức hỗ trợ:* Đề xuất giữ nguyên mức hỗ trợ so với Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND của giai đoạn trước.

Trên thực tế các chủ thể đã thực hiện làm nhà màng, nhà lưới của giai đoạn 2021-2025, kinh phí để thực hiện 01 ha nhà màng, nhà lưới hết khoảng trên dưới 1,65 tỷ đồng, để chi phí mua khung, màng phủ, lưới chắn, các vật tư khác và công xây dựng (tương đương 165.000đ/m²). Do đó, đề xuất hỗ trợ 60% tổng kinh phí xây dựng, tương đương với mức hỗ trợ 100.000đồng/m².

** Dự kiến kinh phí thực hiện:* Cả giai đoạn dự kiến hỗ trợ 20 nhà màng, nhà lưới và 20 hệ thống tưới tiết kiệm (trong đó: Doanh nghiệp, hợp tác xã 10 nhà màng, nhà lưới và 10 hệ thống tưới tiết kiệm; Tổ hợp tác, nhóm hộ 5 nhà màng, nhà lưới và 5 hệ thống tưới tiết kiệm; Hộ gia đình, cá nhân 5 nhà màng, nhà lưới và 5 hệ thống tưới tiết kiệm). Kinh phí hỗ trợ khoảng 17 tỷ đồng.

9. Hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản

a) Hỗ trợ một lần 60% kinh phí đầu tư và không quá 15 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý môi trường, giao thông, điện, nước, nhà kho, nhà xưởng và máy móc thiết bị chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu; sản xuất phân bón, thức ăn chăn nuôi và cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trong hàng rào.

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Dự án được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; có vùng nguyên liệu ổn định hoặc hợp đồng liên kết sản xuất; hoàn thành các thủ tục theo quy định

- Thiết bị mới 100%, có hóa đơn chứng từ hợp lệ.

- Đối với cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung: Địa điểm phải theo quy hoạch của chính quyền địa phương, kế hoạch phát triển mạng lưới cơ sở giết mổ tập trung của tỉnh; việc xây dựng và hoạt động phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, thú y, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

- Đối với cơ sở chế biến, bảo quản Sâm Lai Châu: Cam kết chế biến tối thiểu 70% nguyên liệu Sâm Lai Châu từ tỉnh Lai Châu; Áp dụng tiêu chuẩn GMP - WHO hoặc tương đương;

** Lý do đề xuất chính sách:* Việc hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý môi trường, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và máy móc thiết bị chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu; sản xuất phân bón, thức ăn chăn nuôi và cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung là cần thiết, nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng và khả năng tiêu thụ sản phẩm. Hiện nay, hạ tầng và cơ sở vật chất, thiết bị máy móc phục vụ chế biến và bảo quản của địa phương còn rất hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn; việc hỗ trợ nhằm thu hút đầu tư, khuyến khích hình thành các cơ sở chế biến, bảo quản đạt tiêu chuẩn, nâng cao giá trị sản phẩm, tăng sức cạnh tranh, thúc đẩy phát triển bền vững và ưu tiên thu hút đầu tư phục vụ công tác xúc tiến đầu tư của tỉnh.

** Căn cứ xác định mức hỗ trợ:* Đề xuất giữ nguyên mức hỗ trợ so với Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND của giai đoạn trước.

** Dự kiến kinh phí thực hiện:* Cả giai đoạn dự kiến hỗ trợ 24 cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản (trong đó: 02 nhà máy chế biến chè tại xã Khun Há và phường Đoàn Kết; 01 nhà máy chế biến dược liệu tại xã Bum Tở; 01 nhà máy chế biến gừng, nghệ tại xã Phong Thổ; 02 nhà máy chế biến tinh dầu quế tại các xã Mường Tè và Nậm Hàng; 01 nhà máy chế biến rau, củ quả tại xã Bình Lư; 01

nhà máy sản xuất phân bón tại phường Tân Phong; 01 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại xã Bản Bo; 01 nhà máy chế biến lâm sản gắn với khai thác rừng trồng sản xuất tại xã Sìn Hồ; 01 nhà máy chế biến cao su tại xã Lê Lợi; 03 cơ sở giết mổ tập trung tại phường Tân Phong, xã Than Uyên và xã Bum Tở; 02 nhà máy chế biến thủy sản tại xã Mường Mô và Mường Kim; 01 cơ sở chế biến Sâm Lai Châu tại Mường So và 01 cơ sở bảo quản Sâm Lai Châu tại Mường Tè; 04 nhà máy chế biến quế tại Than Uyên, Tân Uyên, Nậm Tăm, Nậm Hàng; 01 nhà máy chế biến mắc ca tại Than Uyên; 01 nhà máy chế biến lâm sản tại Tân Uyên), kinh phí hỗ trợ khoảng 240 tỷ đồng.

10. Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP

a) Hỗ trợ và thưởng một lần cho chủ thể lần đầu tham gia Chương trình OCOP có sản phẩm đạt 3 sao trở lên được cấp có thẩm quyền công nhận (Thưởng; hỗ trợ bao bì, nhãn mác; thuê chuyên gia hoặc đơn vị tư vấn xây dựng hoàn thiện hồ sơ hoặc Chủ thể tự xây dựng và hoàn thiện hồ sơ gồm các nội dung: viết câu chuyện sản phẩm; in, phô tô, công chứng hồ sơ cho Hội đồng đánh giá các cấp; xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm, cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; kiểm nghiệm và công bố chất lượng sản phẩm; truy xuất nguồn gốc và các minh chứng để hoàn thiện hồ sơ).

- Sản phẩm OCOP đạt 3 sao: 40 triệu đồng/sản phẩm;
- Sản phẩm OCOP đạt 4 sao: 60 triệu đồng/sản phẩm;
- Sản phẩm OCOP đạt 5 sao: 130 triệu đồng/sản phẩm;

Trường hợp sản phẩm của chủ thể tham gia nâng cấp được đánh giá, phân hạng năm sau cao hơn năm trước thì các sản phẩm đó được hỗ trợ thêm phần chênh lệch giữa 02 hạng sao cũ và mới.

b) Hỗ trợ một lần tối đa 60% kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm và nhà kho, nhà xưởng, cụ thể theo từng đối tượng như sau:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã: Không quá 500 triệu đồng;
- Tổ hợp tác, nhóm hộ: Không quá 300 triệu đồng;
- Hộ sản xuất kinh doanh: Không quá 200 triệu đồng.

c) Hỗ trợ 01 lần 50% chi phí xây dựng hoặc thuê điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, cụ thể như sau:

- Đối với các điểm ngoài tỉnh: Không quá 200 triệu đồng/cơ sở.
- Các điểm du lịch, dịch vụ, nơi tập trung dân cư tại các xã, phường: Không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

d) Điều kiện hỗ trợ:

- Các chủ thể có đăng ký tham gia Chương trình OCOP có sản phẩm đạt 3 sao trở lên được cấp có thẩm quyền công nhận (áp dụng đối với tất cả các nội dung hỗ trợ).

- Nội dung hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm và nhà kho, nhà xưởng: Phải đảm bảo phù hợp với quy mô, công suất trong kế hoạch sản xuất kinh doanh hoặc phương án đầu tư sản xuất của cơ sở sản xuất kinh doanh. Máy móc, thiết bị, vật liệu mới 100%, có hóa đơn chứng từ hợp lệ.

- Nội dung hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP: Gian hàng đảm bảo tối thiểu 9m² (tối thiểu bằng gian hàng tiêu chuẩn); bố trí ít nhất 2/3 diện tích gian hàng để trưng bày và bán các sản phẩm OCOP của tỉnh; thời gian hoạt động cam kết tối thiểu: Đối với các điểm ngoài tỉnh là 24 tháng, đối với các xã/phường trong tỉnh là 12 tháng.

* Lý do đề xuất chính sách và căn cứ xác định mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ một lần cho chủ thể lần đầu tham gia Chương trình OCOP: Nhằm động viên kịp thời các chủ thể OCOP đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, khuyến khích sự nỗ lực, hợp tác, thúc đẩy nâng cao hiệu quả phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương; tạo sức lan tỏa sâu rộng, cổ vũ phong trào hành động hiệu quả, góp phần vào việc tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Để khuyến khích các chủ thể tham gia và phát triển các sản phẩm OCOP của tỉnh trong giai đoạn 2026-2030. Đề xuất Giữ nguyên mức hỗ trợ so với Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND của giai đoạn trước, tuy nhiên gộp các nội dung hỗ trợ thành một, để tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể điều tiết các nguồn chi cho phù hợp với từng sản phẩm; đồng thời cắt giảm các thủ tục, giấy tờ thanh quyết toán nguồn vốn hỗ trợ cho các chủ thể khi đạt các sản phẩm từ 3 sao trở lên.

- Đối với việc hỗ trợ kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản sản phẩm và nhà kho, nhà xưởng: Giữ nguyên mức hỗ trợ so với Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND của giai đoạn trước, vì các sản phẩm nông nghiệp tại tỉnh Lai Châu vẫn cơ bản chủ yếu ở dạng nguyên liệu ban đầu, hoặc sơ chế, chế biến nhỏ lẻ theo phương pháp truyền thống, chưa thực sự có giá trị kinh tế, vẫn còn tình trạng phụ thuộc vào đầu ra của thương lái, hoặc thời gian bảo quản ngắn, chất lượng sản phẩm chưa đồng đều, ảnh hưởng đến uy tín đối với người tiêu dùng. Để phát triển các sản phẩm nông sản của tỉnh (tập trung vào chế biến sâu) tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng, giải quyết đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, thì việc hỗ trợ này là cần thiết.

- Đối với việc hỗ trợ điểm giới thiệu: Giữ nguyên mức thưởng so với Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND của giai đoạn trước, vì trong giai đoạn 2021-2025 chưa hỗ trợ được nhiều các điểm giới thiệu (mới chỉ hỗ trợ được 5 điểm ở trung tâm các huyện cũ). Trong khi đó, nhu cầu quảng bá, bày bán các sản phẩm sau khi được chứng nhận OCOP ngày càng cao, nhằm phát triển đầu ra cho sản phẩm. Đề xuất hỗ trợ ở ngoài tỉnh và các điểm du lịch nhằm hướng đến tệp khách hàng ngoài tỉnh, đây là tệp khách hàng phong phú chiếm đa số tỷ lệ tiêu thụ của các sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

* Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí hỗ trợ: 13.880 triệu đồng, trong đó:

Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 và Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 09/12/2025, giao phát triển khoảng 200 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên.

- Kinh phí hỗ trợ sản phẩm OCOP tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm đạt 3 sao trở lên 8.480 triệu đồng, gồm:

+ Sản phẩm đạt 3 sao: 183 sản phẩm x 40 triệu/sản phẩm

+ Sản phẩm đạt 4 sao: 15 sản phẩm x 60 triệu/sản phẩm

+ Sản phẩm đạt 5 sao: 02 sản phẩm x 130 triệu/sản phẩm

- Hỗ trợ máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng: 3.800 triệu đồng.

+ Doanh nghiệp/HTX: 2.500 triệu đồng (05 cơ sở x 500 triệu đồng/cơ sở);

+ Tổ hợp tác/nhóm hộ: 300 triệu đồng (01 cơ sở x 300 triệu đồng/cơ sở);

+ Hộ sản xuất kinh doanh: 1.000 triệu đồng (05 cơ sở x 200 triệu đồng/cơ sở).

- Hỗ trợ chi phí xây dựng hoặc thuê điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP: 1.600 triệu đồng.

+ Ngoại tỉnh: 600 triệu đồng (03 điểm x 200 triệu đồng/điểm);

+ Điểm du lịch, dịch vụ tại các xã: 1.000 triệu đồng (10 điểm x 100 triệu đồng/điểm).

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Chính sách này sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự thủ tục nghiệm thu và giải ngân kinh phí hỗ trợ

1. Tên hồ sơ: Hồ sơ đề nghị nghiệm thu và giải ngân kinh phí hỗ trợ

2. Trình tự, thủ tục thực hiện

Bước 1. Đối tượng hỗ trợ nộp hồ sơ đề nghị nghiệm thu và giải ngân kinh phí hỗ trợ đến UBND cấp xã (qua phòng kinh tế/phòng Kinh tế hạ tầng).

Bước 2. UBND cấp xã thành lập Hội đồng nghiệm thu, thực hiện nghiệm thu khối lượng thực hiện và lập Biên bản nghiệm thu.

Bước 3. UBND cấp xã ra quyết định cấp kinh phí hỗ trợ và giải ngân kinh phí hỗ trợ.

3. Cách thức thực hiện

a) Sau khi hoàn thành các hạng mục được hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ có văn bản đề nghị nghiệm thu, giải ngân kinh phí hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để chủ trì tổ chức nghiệm thu.

b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nghiệm thu, UBND cấp xã thành lập Hội đồng nghiệm thu và tổ chức nghiệm thu. Thành

phần nghiệm thu gồm: đại diện lãnh đạo UBND cấp xã; Phòng kinh tế (hoặc phòng Kinh tế và hạ tầng đối với 2 phường), Trạm khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tại địa bàn và các thành phần khác có liên quan.

c) Biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu là căn cứ để giải ngân, thanh toán kinh phí hỗ trợ. Nội dung biên bản nghiệm thu phải xác định cụ thể khối lượng, giá trị từng hạng mục được nghiệm thu theo dự toán được phê duyệt và kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

d) Căn cứ kết quả nghiệm thu, trong vòng 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định cấp kinh phí hỗ trợ.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ

Đơn đăng ký thực hiện chính sách (theo mẫu 01; 02 đính kèm)

Đơn đề nghị hỗ trợ của đối tượng được hỗ trợ (theo mẫu 03; 04 đính kèm)

Quyết định phê duyệt kế hoạch, phương án hỗ trợ của cấp có thẩm quyền (nếu có).

Báo cáo kết quả triển khai đầu tư kèm theo danh mục chi tiết các hạng mục đã thực hiện theo phê duyệt (nếu có).

Các hồ sơ liên quan đến hợp đồng, thanh lý hợp đồng triển khai các nội dung đầu tư, các hóa đơn, giấy chuyển tiền và các hồ sơ liên quan đến nội dung hạng mục, dự án đã đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ, người dân thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XV Kỳ họp thứ.... thông qua ngày.....tháng.....năm 2026.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ): không

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

- Dự kiến kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn khoảng 421.785.000.000đ (Bốn trăm hai một tỷ, bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng).

2. Dự kiến thời gian trình thông qua

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thẩm tra trong tháng 05 để thông qua kỳ họp HĐND tỉnh tháng 07/2026.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa, được liệu theo hướng kinh tế xanh giai đoạn 2026-2030. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét, quyết định./.

Tài liệu gửi kèm theo Tờ trình:

1. Dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp.
3. Báo cáo tổng hợp tiếp thu, giải trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường.
4. Các tài liệu có liên quan khác.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy (B/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh: V, C;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**